TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 27/5/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Tô Hoàng Ơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 và 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLPT-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2025, về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2025/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2025/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Phương D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số H ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trương Khánh T, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Trương Khánh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày*: Vào năm 2017, bà D và ông T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2018. Trong thời kỳ hôn nhân ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng về sau thì

bắt đầu phát sinh nhiều mẫu thuẫn vì tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm sống, bà D và ông T đã ly thân từ khoảng tháng 7/2024 cho đến nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà D và ông T có 02 người con chung là Trương Yến P (nữ, sinh ngày 01/11/2018) và cháu Trương Yến V (nữ, sinh ngày 27/01/2023). Hiện nay, các cháu đang sống chung với bà D bên nhà ông bà ngoại, cháu P đang đi học lớp 01, còn cháu V thì đang học mầm non. Sau khi ly hôn, bà D có nguyện vọng được nuôi 02 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên do có đủ điều kiện để nuôi các con chung và các cháu từ nhỏ đã sống với và D và ông bà ngoại, bà D tự nguyện không yêu cầu ông Trung cấp D1 nuôi các con chung.

Về tài sản chung: Do ông T đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên bà D cũng không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà D trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Trương Khánh T trình bày*:

Do tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà D không còn nên cũng đồng ý thuận tình ly hôn với bà D.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được giao con chung là Trương Yến P (nữ, sinh ngày 01/11/2018) cho ông Trung trực T1 nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và tự nguyện không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu V thì ông T đồng ý giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và ông T cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, do ông T chỉ mong muốn được nuôi dưỡng cháu P nên đối với tài sản chung thì ông T đồng ý cho lại bà D để nuôi dưỡng cháu V và cũng không tiếp tục yêu cầu giải quyết về phân chia tài sản chung.

Về nợ chung: Ông T thống nhất theo lời trình bày của bà D là không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 23/2025/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 3 năm 2025, đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Phương D và ông Trương Khánh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Yến P (nữ, sinh ngày 01/11/2018) và Trương Yến V (nữ, sinh ngày 27/01/2023)cho bà Trịnh Phương D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình.

Ông Trương Khánh T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trịnh Phương D tự nguyện không yêu cầu.

Ông Trương Khánh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Ông Trương Khánh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Trịnh Phương D.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử về yêu cầu chia tài sản chung của ông Trường Khánh T2 và bà Trịnh Phương D cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: bà Trịnh Phương D và ông Trương Khánh T thống nhất trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 24/3/2025, bị đơn ông Trương Khánh T kháng cáo về quyền nuôi con, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận cho ông được trực tiếp nuôi cháu Trương Yến P, sinh ngày 01/11/2018.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo không cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định, nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Đối với kháng cáo bổ sung về tài sản chung: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, vào ngày 19/5/2025 bị đơn ông Trương Khánh T kháng cáo bổ sung về phần tài sản chung qua đường bưu điện, thấy rằng tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có quy định *"Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo, Viện kiểm sát đã kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị, nhưng không được vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu, nếu thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã hết"*. Như vậy việc bị đơn kháng cáo bổ sung đã hết thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, mặt khác kháng cáo bổ sung của bị đơn vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Xét kháng cáo về quyền nuôi con của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi con chung là con chung tên Trương Yến P sinh ngày 01/11/2018 và hiện tại bà D và ông T đều có việc làm, thu nhập ổn định, hoàn toàn đủ điều kiện để nuôi cháu P, nhưng từ khi ông bà ly thân với nhau vào tháng 7 năm 2024 cho đến nay, bà D là người trực tiếp nuôi con. Hiện tại, cháu P đã quen với điều kiện, môi trường sống và được bà D nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất, nếu giao cháu P cho ông T nuôi dưỡng, cháu V cho bà D nuôi dưỡng sẽ chia cắt đi tình chị em ruột của hai cháu, gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của hai cháu.

[4]. Mặt khác, các cháu đều là nữ, việc phát triển về mặt tâm-sinh lý theo từng độ tuổi rất cần có sự quan tâm, chia sẽ sâu sắc của người mẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[5]. Do đó kháng cáo của bị đơn yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[6]. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[8]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Khánh T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2025/HNGĐ-ST ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Trương Khánh T phải chịu 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009283 ngày 24/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS Long Phú;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định